

Bản án số: 312/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 7 - 2020.
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Giữ

2. Ông Mai Minh Chánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 112/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 112/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Quý N, sinh năm 1987. Địa chỉ: số 599, tổ 16, ấp VH, xã VTT, huyện CP, tỉnh An Giang. Có đơn xin vắng mặt

- Bị đơn: Anh Phạm Đề L, sinh năm 1982. Địa chỉ: số 18, tổ 01, ấp TL, xã VTT, huyện CP, tỉnh An Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 02 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Quý N trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 12/8/2008 tại UBND xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú. Trong quá trình chung sống, anh chị cự cãi nhiều lần, tình cảm không còn nên chính thức ly thân từ khoảng hơn một năm nay. Nay không thể hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: anh chị có 02 (hai) con chung tên Phạm Thị Ngân Th, sinh ngày 08/7/2011 và Phạm Thanh D, sinh ngày 23/3/2007, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh Phạm Đề L đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật nhưng anh không gửi văn bản tự khai và không tham gia tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến của anh.

Tại phiên tòa:

Chị N vẫn giữ yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh L, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N. Giao con chung cho chị N nuôi dưỡng, anh L không cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh L, địa chỉ cư trú của anh L là tại ấp TL, xã VTT, huyện CP, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Đề L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng anh vắng mặt không có lý do và chị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L, chị N theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Anh L và chị N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 12/8/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên được pháp luật Việt Nam công nhận hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Nay chị N cho rằng cuộc sống hôn nhân thường xuyên cự cãi do anh L thường xuyên nhậu nhẹt nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

[2.2] Tòa án đã thực hiện, cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L để anh thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn tuy nhiên cho đến nay anh L vẫn vắng mặt không tham gia phiên họp, hòa giải, xét xử và không gửi văn bản trình bày ý kiến, xem như anh tự từ bỏ quyền lợi của bản thân.

[2.3] Qua xác minh thì địa phương xác định anh L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ ấp TL, xã VTT, huyện CP, tỉnh An Giang. Trong thời gian chung sống tại địa phương, anh L thường xuyên nhậu nhẹt, hiện vợ chồng đã không còn chung sống khoảng hơn một năm nay, về tình trạng hôn nhân và mâu thuẫn cụ thể giữa vợ chồng anh chị như

thể nào thì địa phương không rõ. Kết quả xác minh cho thấy lời trình bày của chị N về tình trạng cuộc sống hôn nhân vợ chồng là sự thật.

[2.4] Theo luật Hôn nhân và gia đình 2014, là vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau cũng như chia sẻ, hỗ trợ nhau trong cuộc sống nhưng trên thực tế anh chị đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay không còn thăm nom, chăm sóc nhau và không hàn gắn được tình cảm. Nay chị N yêu cầu ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn nhưng anh L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có thể hiện thiện chí muốn hàn gắn đoàn tụ gia đình, không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của chị N dù anh vẫn đang sinh sống tại địa phương. Như vậy cho thấy cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai do đó yêu cầu ly hôn của chị N với anh L là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Về con chung: anh chị có 02 (hai) con chung tên Phạm Thị Ngân Th, sinh ngày 08/7/2011 và Phạm Thanh D, sinh ngày 23/3/2007. Hiện 02 cháu đang sống cùng chị N, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng. Thiết nghĩ để ổn định tâm lý cũng như cuộc sống sinh hoạt của 02 cháu đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu do đó Hội đồng xét xử chấp nhận giao 02 cháu cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng. Do chị N không có yêu cầu nên anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị N và gia đình không được cản trở anh L trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

[2.6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N trình bày không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.7] Về án phí: chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Quý N.

- Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Quý N được ly hôn với anh Phạm Đề L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 235 ngày 12 tháng 8 năm 2008 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cấp cho chị Lê Thị Quý N và anh Phạm Đề L không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: anh chị có 02 (hai) con chung tên Phạm Thị Ngân Th, sinh ngày 08/7/2011 và Phạm Thanh D, sinh ngày 23/3/2007. Giao 02 con chung cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N và gia đình không được cản trở anh L trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung không cố định. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị Quý N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0006264 ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

- Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Quý N và anh Phạm Đức L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Lưu; hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cẩm Hương